

Name:

Date: .../.../20...

Class: S9

Tel: 034 200 9294



Vocabulary:

Writing:

Listening:

Mini Test:

FRIENDSHIP

VOCABULARY & WRITING INSTRUCTION

A. VOCABULARY

***Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	relative (a)	có liên quan đến, có quan hệ với	12	conflict (n)	sự xung đột, cuộc xung đột
2	acquaintance (n)	người quen	13	confine (v)	giám giữ, giam cầm
3	get on well with somebody (phr.v)	có mối quan hệ tốt với ai	14	anniversary (n)	ngày kỷ niệm, lễ kỷ niệm
4	grow apart (phr.v)	dần trở nên xa cách	15	respect (n/v)	tôn trọng, kính trọng
5	be / keep in touch with somebody (phr.v)	giữ liên lạc với ai	16	supportive (a)	khuyến khích
6	have something in common (phr.v)	có chung lợi ích, đặc điểm	17	trust (n/v)	tín nhiệm, tin tưởng
7	fall out with somebody (phr.v)	tranh cãi, có quan hệ xấu với ai	18	colleague (n)	đồng nghiệp
8	reunion (n)	sự hòa giải, sự sum họp	19	soulmate (n)	bạn tâm giao, tri kỷ
9	nurture (n/v)	nuôi nấng, nuôi dưỡng	20	partner (n)	cộng sự
10	companion (n)	bạn, bầu bạn	21	make friends (phr.v)	trở thành bạn với
11	companionship (n)	tình bạn			

* **Note:** n = noun: danh từ;
v = verb: động từ;

a = adjective: tính từ;
phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

B. REVISION

I. Choose the correct answer.

0. He _____ her while she was speaking.

☒ A. interrupted

B. ironed

C. banned

1. While he might be _____ for national leadership, yet he was a potential trouble-maker.

A. grew apart

B. confined

C. nurtured

2. He left home after _____ with his parents.

A. making friends

B. getting on well

C. falling out

3. We are planning a dinner to celebrate the 50th _____ of the founding of the company.

A. anniversary

B. reunion

C. acquaintance

4. We're having a small drinks party for one of our _____ who's leaving next week.

A. companionships

B. colleagues

C. conflicts

5. Are you still in touch _____ any of your old school friends?

A. with

B. for

C. without

II. Guess the correct words using the definitions given.

0. a powerful fire that burns out of control across a large area

→

wildfire

1. to communicate or continue to communicate with someone by using a phone or writing to them

→

2. to stop having a close relationship with somebody over a period of time

→

3. someone you have a very close relationship with because you share or understand the same emotions and interests

→

4. when you are with someone you enjoy being with, and are not alone

→

5. to argue with someone and stop being friendly with them

→

C. IELTS PRACTICE

Topic: A friendship story

Write a short paragraph (120-150 words) about how you met your best friend, what you do together, and how your friendship grows over time.

I. Choose the correct answer.

1. *Jupiter* is the biggest planet in our solar system, but not the biggest planet in the _____.
A. Galaxy B. Ozone layer C. Asteroid
2. The satellite slowly _____ as it circles the Earth.
A. launches B. orbits C. rotates
3. The space _____ we see as a place where men can live and work in orbit for indefinite periods.
A. telescope B. station C. voyage
4. They would be objects of outstanding size, a new family of giant _____ or small planets, in a remote part of the solar system.
A. comets B. telescopes C. constellations

II. Put these sentences into the PASSIVE VOICE.

1. Kathy has returned the book to the library.
→ _____
2. Has anyone ever asked you for your opinion?
→ _____
3. They have sent that money to the poor families.
→ _____
4. Has he spelt this word wrongly?
→ _____

***Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con viết từ đó vào vở 2 dòng.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

